

Bản án số: 23/2025/LĐ-ST
Ngày: 14 – 02 – 2025
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 274/2024/TLST – LĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Neàng Si N (Neang S), sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số B V, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty cổ phần D1 (xin vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Cụm C (giai đoạn 1-2), ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt D – Tổng Giám đốc.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc (xin vắng mặt).

- Bà Neàng C, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn bà Neàng Si N do ông Nguyễn Bá H đại diện trình bày:

Từ tháng 7 năm 2015 cho đến tháng 4 năm 2018, bà Neàng Si N (CMND số 352340622) làm việc tại Công ty cổ phần Đ, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 7415136358.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Neàng C có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà Neàng Si N cho bà C mượn giấy chứng minh nhân dân số 352340622 mang tên Neàng Si N để bà C đi làm tại Công ty cổ phần D1 trong khoảng thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016. Khi bà C mang tên bà Neang S làm việc tại Công ty cổ phần D1 thì bà C cũng tham gia bảo hiểm mang tên Neang S (CMND số 352340622) với sổ bảo hiểm xã hội số 8015029649.

Việc bà Neàng Si N cho bà C mượn giấy chứng minh nhân dân số 352340622 là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty cổ phần D1 không phải do bản thân bà Neàng Si N thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội số 7415136358 mang tên là Neàng Si Na (CMND số 352340622) và số 8015029649 mang tên Neang S (CMND số 352340622) nên bà Neàng Si N không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà Neàng Si N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa Neang S (do bà Neàng C làm việc) với Công ty cổ phần D1 từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016;

2/ Điều chỉnh tên Neang S trên sổ bảo hiểm xã hội số 8015029649 từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016 tại Công ty cổ phần D1 thành tên Neàng C.

Bị đơn Công ty cổ phần D1 có văn bản trình bày ý kiến: Công ty xác định bà Neang S (CMND số 352340622) có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty cổ phần D1 từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016 và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty. Tháng 4/2016 thì bà Neang S xin nghỉ việc. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty D1 vô hiệu hợp đồng với bà Neang S được giao kết từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016. Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Neàng C có văn bản trình bày: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân số 352340622 của bà Neàng Si N để vào làm việc tại Công ty cổ phần D1 từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016 và có tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm số 8015029649. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Neàng Si N và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty cổ phần D1 có tham gia bảo hiểm cho bà Neang S từ tháng

11/2015 đến tháng 3/2016 với số bảo hiểm số 8015029649, bà Neang S chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng BHTN với thời gian đóng nêu trên.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neang Si N (Neang S) về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neang S (do bà Neang C thực hiện) với Công ty cổ phần D1 từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016; Điều chỉnh tên Neang S trên sổ bảo hiểm xã hội số 8015029649 thành tên Neang C. Bởi vì thực tế bà Neang S (Neang S) không phải là người lao động mà bà Neang C mới là người lao động tại Công ty cổ phần D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N1 Si Na nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty cổ phần D1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Neang Si N là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty cổ phần D1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Neang C và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Neang Si N khởi kiện Công ty cổ phần D1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà Neang Si N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Neàng Si N có nộp Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội với sổ BHXH số 8015029649 và số 7415136358.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 11 năm 2015 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Neàng Si N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Neang S (Neàng S - CMND số 352340622) nhưng do bà Neàng C là người trực tiếp lao động với Công ty cổ phần D1 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Neàng Si N không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty cổ phần D1 có tham gia bảo hiểm cho bà Neang S (CMND số 352340622) từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 với sổ bảo hiểm số 8015029649 nên có căn cứ xác định giữa bà Neang S (Neàng S - CMND số 352340622) với Công ty cổ phần D1 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016.

[2.2]. Xét thấy, bà Neang S CMND số 352340622 có cho bà Neàng C mượn chứng minh nhân dân số 352340622 mang tên Neàng Si N để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 tại Công ty cổ phần D1 theo sổ BHXH số 8015029649. Trong khi đó bà Neàng Si N (Neang S) cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty cổ phần Đ, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 7415136358.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 thì người mang tên Neàng Si N (Neang S) có CMND số 352340622 cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty cổ phần Đ.

Do đó, việc bà Neàng C tham gia trực tiếp lao động với Công ty cổ phần D1 nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Neàng Si N là vi phạm

quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Neàng Si N (Neang S) với Công ty cổ phần D1 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Neàng Si N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Neang S trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8015029649 trong giai đoạn từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 tại Công ty cổ phần D1 thành tên Neàng C.

[3]. Bà Neàng C, Công ty cổ phần D1 không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Neàng Si N tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Neàng Si N (Neang S) về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty cổ phần D1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neang S (do bà Neàng C) là người trực tiếp lao động) với Công ty cổ phần D1 từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016;

1.2. Điều chỉnh tên Neang S trên sổ bảo hiểm số 8015029649 trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 thành tên Neàng C.

Bà Neàng Si N (Neang S) và bà Neàng C được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8015029649 từ tên Neang S thành tên Neàng C.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Neàng Si N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Neàng Si N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004095 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Neàng Si N đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thị Vụ

